

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình - huyện Yên Bình - tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 1 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		108,486,329,380	98,511,880,003
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1,527,314,908	1,066,735,527
1. Tiền	111		1,527,314,908	1,066,735,527
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		52,539,503,783	47,089,225,323
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	45,975,330,777	43,214,039,725
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	3,882,848,738	2,922,669,039
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	3,311,299,321	1,593,635,412
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(629,975,053)	(641,118,853)
IV. Hàng tồn kho	140		47,716,273,859	43,004,692,994
1. Hàng tồn kho	141	V.6	47,716,273,859	43,004,692,994
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6,703,236,830	7,351,226,159
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	3,844,811,019	5,498,265,390
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		112,794,242	215,380,334
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	110,650,081	
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	2,634,981,488	1,637,580,435

Quý 1 năm 2012

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		241,396,682,686	246,238,315,563
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		233,085,082,374	237,399,501,751
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	228,883,442,263	233,869,162,183
<i>Nguyên giá</i>	222		407,378,418,070	406,905,476,490
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(178,494,975,807)	(173,036,314,307)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
<i>Nguyên giá</i>	225			
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		63,800,000	63,800,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(63,800,000)	(63,800,000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	4,201,640,111	3,530,339,568
III. Bất động sản đầu tư	240			
<i>Nguyên giá</i>	241			
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4,262,469,000	4,262,469,000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	4,262,469,000	4,262,469,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		4,049,131,312	4,576,344,812
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	3,791,695,569	4,318,909,069
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.15	257,435,743	257,435,743
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		349,883,012,066	344,750,195,566

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		302,774,789,634	291,864,626,806
I. Nợ ngắn hạn	310		197,428,283,080	189,257,340,252
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	124,690,651,023	126,321,046,005
2. Phải trả người bán	312	V.17	54,066,580,229	50,238,140,165
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	1,043,182,250	815,120,400
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	6,551,498,089	4,697,600,536
5. Phải trả người lao động	315		4,222,271,430	4,741,338,565
6. Chi phí phải trả	316		1,467,492,240	408,677,868
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	5,908,993,857	2,535,452,751
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	(522,386,038)	(500,036,038)
II. Nợ dài hạn	330		105,346,506,554	102,607,286,554
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	104,595,537,954	101,856,317,954
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		750,968,600	750,968,600
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.23		
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		47,108,222,432	52,885,568,760
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	47,108,222,432	52,885,568,760
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		48,374,300,000	48,374,300,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9,141,949,000	9,141,949,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		261,000,000	261,000,000
4. Cổ phiếu quỹ	414		(258,200,000)	(258,200,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			(14,499)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		7,160,537,075	7,160,537,075
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1,304,923,993	1,304,923,993
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(18,876,287,636)	(13,098,926,809)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		349,883,012,066	344,750,195,566

Quý 1 năm 2012

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		503,460,131	503,460,131
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		245.35	89.50
Euro (EUR)		0.16	0.16
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 23 tháng 4 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Tiến

Vũ Thanh Nghị

Phạm Quang Phú

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình - huyện Yên Bình - tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 1 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Quý 1 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	<u>Quý 1/Năm nay</u>	<u>Quý 1/Năm trước</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này/năm nay</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này/năm trước</u>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	80,834,515,763	69,552,279,109	80,834,515,763	69,552,279,109
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	954,224,733	247,727,419	954,224,733	247,727,419
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		79,880,291,030	69,304,551,690	79,880,291,030	69,304,551,690
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	66,509,412,377	52,886,457,346	66,509,412,377	52,886,457,346
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13,370,878,653	16,418,094,344	13,370,878,653	16,418,094,344
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4,518,491	28,046,774	4,518,491	28,046,774
7. Chi phí tài chính	22		9,360,466,813	8,352,778,963	9,360,466,813	8,352,778,963
Trong đó: chi phí lãi vay	23		9,360,466,813	8,352,778,963	9,360,466,813	8,352,778,963
8. Chi phí bán hàng	24	VI.4	7,625,974,901	4,478,499,104	7,625,974,901	4,478,499,104
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	2,097,886,711	1,830,661,272	2,097,886,711	1,830,661,272
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5,708,931,281)	1,784,201,779	(5,708,931,281)	1,784,201,779
11. Thu nhập khác	31	VI.6				
12. Chi phí khác	32		68,429,546		68,429,546	
13. Lợi nhuận khác	40		(68,429,546)		(68,429,546)	
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45					

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình - huyện Yên Bình - tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 1 năm 2012

15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(5,777,360,827)	1,784,201,779	-5,777,360,827	1,784,201,779
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51			178,420,200		178,420,200
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(5,777,360,827)</u>	<u>1,605,781,579</u>	<u>(5,777,360,827)</u>	<u>1,605,781,579</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	<u>(1,201)</u>	<u>367</u>	<u>(1,201)</u>	<u>367</u>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 23 tháng 4 năm 2012

Giám đốc

Nguyễn Thị Tiến

Vũ Thanh Nghị

Phạm Quang Phú

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình - huyện Yên Bình - tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 1 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kê từ đầu năm đến cuối quý này/Năm nay	Luỹ kê từ đầu năm đến cuối quý này/Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(5,777,360,827)	1,784,201,779
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10	5,458,661,500	4,085,928,400
- Các khoản dự phòng	03		(11,143,800)	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4,518,491)	
- Chi phí lãi vay	06		9,360,466,813	8,352,778,963
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9,026,105,195	14,222,909,142
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6,444,599,702)	(6,700,240,402)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4,711,580,865)	(10,492,371,034)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		9,399,939,452	12,460,715,608
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2,180,667,871	(1,915,071,603)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(7,943,363,708)	(8,352,778,963)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.19		
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1,682,472,300)	(781,309,307)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(175,304,057)	(1,558,146,559)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(472,941,580)	(1,476,055,950)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(472,941,580)	(1,476,055,950)

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		52,899,481,085	56,279,645,229
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(51,790,656,067)	(53,063,667,651)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1,108,825,018	3,215,977,578
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		460,579,381	181,775,069
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1,066,735,527	8,768,220,809
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61			
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	1,527,314,908	8,949,995,878

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 23 tháng 4 năm 2012

Giám đốc

Nguyễn Thị Tiến

Vũ Thanh Nghị

Phạm Quang Phú

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình – huyện Yên Bình – tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 1 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 1 - Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất – thương mại
- 3. Ngành nghề kinh doanh** :
 - Khai thác đá vôi cho sản xuất xi măng;
 - Sản xuất xi măng;
 - Khai thác, chế biến, kinh doanh và xuất khẩu khoáng sản;
 - Khai thác, chế biến, kinh doanh đá xây dựng;
 - Vận tải hàng hóa.
- 4. Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2012 Công ty có 482 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 493 nhân viên)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ–BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ–BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung trên máy vi tính

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình – huyện Yên Bình – tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 1 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc.

Bao gồm:

- Nhà máy xi măng
- Xí nghiệp khai thác đá
- Nhà máy chế biến

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trị giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền quý và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình – huyện Yên Bình – tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 1 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc và thiết bị	8 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7 - 15

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí quyền khai thác khoáng sản: được phân bổ theo thời gian được quyền khai thác khoáng sản.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu, được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình – huyện Yên Bình – tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 1 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm kể từ khi chuyển đổi sang Công ty Cổ phần (từ năm 2004). Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 02 năm đầu tiên (năm 2004 và 2005) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 06 năm tiếp theo (từ năm 2006)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối kỳ của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư vào đầu kỳ sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31/12/2011: 20.828 VND/USD

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31/03/2012: 20.828 VND/USD

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình – huyện Yên Bình – tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 1 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình – huyện Yên Bình – tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 1 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và

Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình – huyện Yên Bình – tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 1 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình – huyện Yên Bình – tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 1 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền mặt	1.409.646.845	843.076.326
Tiền gửi ngân hàng	117.668.063	223.659.201
Cộng	1.527.314.908	1.066.735.527

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối quý	Số đầu năm
Khách hàng xi măng	30.163.516.810	26.324.887.965
Khách hàng bột đá	11.463.111.257	10.724.901.910
Khách hàng Klinker	4.335.646.960	5.348.903.350
Khách hàng khác	13.055.750	815.346.500
Cộng	45.975.330.777	43.214.039.725

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối quý	Số đầu năm
Nhà cung cấp nguyên liệu vật tư	3.350.042.586	2.389.862.887
Nhà cung cấp xây dựng cơ bản dở dang	100.000.000	100.000.000
Nhà cung cấp khác	432.806.152	432.806.152
Cộng	3.882.848.738	2.922.669.039

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Trợ cấp ốm đau thai sản	397.850.114	593.710.301
Phải thu cán bộ Công nhân viên (tiền bán xi măng)	278.257.559	217.757.468
Thuế thu nhập cá nhân	64.018.303	75.980.478
Phải thu các cá nhân về tiền vay	405.000.000	465.000.000
Các khoản phải thu khác	2.166.173.345	241.187.165
Cộng	3.311.299.321	1.593.635.412

5. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Là khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với tỷ lệ 100% đối với các khoản công nợ đã quá hạn trên 3 năm.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối quý	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	36.641.308.384	30.722.334.285
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10.162.318.665	11.464.046.893
Thành phẩm	912.646.810	818.311.816
Cộng	47.716.273.859	43.004.692.994

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình – huyện Yên Bình – tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 1 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**7. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa tài sản	3.447.382.059	5.267.439.443
Chi phí CCDC	145.588.863	180.886.363
Chi phí khác	251.840.097	49.939.584
Cộng	3.844.811.019	5.498.265.390

8. Tài sản ngắn hạn khác

Là các khoản tạm ứng của cán bộ công nhân viên trong công ty.

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	146.412.684.745	245.042.919.936	15.449.871.809	406.905.476.490
Tăng trong năm do mua sắm mới		472.941.580		472.941.580
Giảm trong năm do thanh lý, nhượng bán				
Số cuối năm	146.412.684.745	245.515.861.516	15.449.871.809	407.378.418.070
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	49.461.690.494	117.793.674.314	5.780.949.499	173.036.314.307
Khấu hao trong năm	1.961.854.750	3.289.786.404	207.020.346	5.458.661.500
Giảm khấu hao do thanh lý, nhượng bán				
Số cuối năm	51.423.545.244	121.083.460.718	5.987.969.845	178.494.975.807
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	96.950.994.251	127.249.245.622	9.668.922.310	233.869.162.183
Số cuối năm	94.989.139.501	124.432.400.798	9.461.901.964	228.883.442.263

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 59.564.804.721 VND.

Toàn bộ giá trị tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình – huyện Yên Bình – tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 1 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm		63.800.000	63.800.000
Tăng trong năm		-	-
Giảm do thanh lý, nhượng bán		-	-
Số cuối năm	-	63.800.000	63.800.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	63.800.000	63.800.000
Khấu hao trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	63.800.000	63.800.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm			
Số cuối năm	-	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong quý	Kết chuyển vào TSCĐ trong quý	Kết chuyển vào chi phí trong quý	Số cuối quý
XDCB dở dang	282.670.108	122.145.375	-	-	404.815.483
Sửa chữa lớn TSCĐ	3.247.669.460	549.155.168	-	-	3.796.824.628
Cộng	3.530.339.568	671.300.543	-	-	4.201.640.111

12. Đầu tư dài hạn khác

Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình, với tỷ lệ 1,67%.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình – huyện Yên Bình – tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 1 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Tăng trong quý	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong quý	Số cuối quý
Chi phí đo vẽ bản đồ, quyền khai thác khoáng sản	298.845.600		18.677.850	280.167.750
Chi phí đền bù hoa màu trên mỏ khai thác đá	134.264.789		33.566.200	100.698.589
Chi phí giải phóng mặt bằng khai thác đá	688.492.380		81.880.000	606.612.380
Phí bảo hiểm tàu và cháy nổ	83.309.659		5.900.500	77.409.159
Chi phí khoan thăm dò, đền bù, GPMB mỏ đá Tân Minh	113.554.163		34.066.250	79.487.913
Lập báo cáo chuyển đổi trữ lượng tài nguyên	154.090.909		38.522.700	115.568.209
Sửa chữa máy nghiền xi măng	2.298.227.725		234.214.900	2.064.012.825
Chi phí sửa chữa trực gổi đỡ máy nghiền	453.166.935		56.645.900	396.521.035
Chi phí đại tu máy xúc lật	94.956.909		23.739.200	71.217.709
Cộng	4.318.909.069		527.213.500	3.791.695.569

14. Tài sản dài hạn khác

Là các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn

15. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	106.047.401.023	102.280.046.005
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Yên Bái	73.081.810.628	69.812.368.794
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Yên Bình	32.965.590.395	32.467.677.211
Vay dài hạn đến hạn trả	18.643.250.000	24.041.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Yên Bái	18.643.250.000	24.041.000.000
Cộng	124.690.651.023	126.321.046.005

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong quý	Số kết chuyển vay dài hạn sang	Số tiền vay đã trả trong quý	Số cuối quý
Vay ngắn hạn ngân hàng	102.280.046.005	49.769.481.085		46.002.126.067	106.047.401.023
Vay dài hạn đến hạn trả	24.041.000.000			5.397.750.000	18.643.250.000
Cộng	126.321.046.005	49.769.481.085		51.399.876.067	124.690.651.023

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình – huyện Yên Bình – tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 1 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**16. Phải trả người bán**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Nhà cung cấp nguyên liệu vật tư	40.949.571.123	41.388.964.401
Nhà cung cấp xây dựng cơ bản dở dang	118.839.824	120.314.191
Nhà cung cấp khác	12.98.169.282	8.728.861.573
Cộng	54.066.580.229	50.238.140.165

17. Người mua trả tiền trước

	Số cuối quý	Số đầu năm
Khách hàng xi măng	675.987.650	278.028.400
Khách hàng bột đá	117.975.600	215.421.500
Khách hàng Klinker	249.219.000	321.670.500
Cộng	1.043.182.250	815.120.400

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong quý	Số đã nộp trong quý	Số cuối quý
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.059.738.965	1.881.466.247	500.000.000	3.441.205.212
Thuế xuất, nhập khẩu	-	19.175.091	19.175.091	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	592.222.794	702.872.875	702.872.875	(110.650.081)
Thuế thu nhập cá nhân	78.638.702	-	-	78.638.702
Thuế tài nguyên	1.599.723.200	878.934.300	-	2.478.657.500
Tiền thuê đất	-	-	-	-
Phí bảo vệ môi trường	367.276.875	185.719.800	-	552.996.675
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	4.697.600.536	3.671.168.313	1.225.047.966	6.440.848.008

(*) Thuế TNDN nộp thừa được ghi giảm số tiền thuế còn phải nộp

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình – huyện Yên Bình – tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 1 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(5.777.360.827)	1.784.201.779
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	110.429.546	
Thù lao hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành	42.000.000	
Lãi vay cá nhân vượt mức khống chế		
Lãi chậm nộp bảo hiểm	68.429.546	
- Các khoản điều chỉnh giảm		-
Thu nhập chịu thuế	(5.666.931.281)	1.784.201.779
Trong đó:		
Thu nhập chịu thuế với thuế suất 25%		
Thu nhập chịu thuế với thuế suất 20% và đang được giảm 50%	(5.666.931.281)	1.784.201.779
Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản		
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	-	178.420.200
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước		-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	178.420.200

Thuế tài nguyên

Công ty nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đất, đá nguyên liệu với mức thuế suất 7% trên giá tính thuế đơn vị tài nguyên.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

19. Chi phí phải trả

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	1.417.103.105	269.775.868
Chi phí phải trả khác	50.389.135	138.902.000
Cộng	1.467.492.240	408.677.868

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình – huyện Yên Bình – tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 1 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thất nghiệp	3.030.389.383	2.013.439.449
Kinh phí công đoàn	80.330.083	49.510.981
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	35.000.000	35.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.859.000	1.859.000
Phải trả về tiền bảo lãnh dự thầu		-
Các khoản phải trả khác	2.761.415.391	435.643.321
Cộng	5.908.993.857	2.535.452.751

21. Quỹ khen thưởng – phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong quý	Giảm khác(*)	Số cuối quý
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(500.036.038)	-	(22.350.000)		(522.386.038)

22. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	94.460.317.954	94.460.317.954
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Yên Bái	94.460.317.954	94.460.317.954
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	10.135.220.000	7.396.000.000
Vay cá nhân	10.135.220.000	7.396.000.000
Cộng	104.595.537.954	101.856.317.954

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong quý	Số tiền vay đã trả trong quý	Số kết chuyển sang vay đến hạn trả	Số cuối quý
Vay dài hạn ngân hàng	94.460.317.954				94.460.317.954
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	7.396.000.000	3.130.000.000	390.780.000		10.135.220.000
Cộng	101.856.317.954	3.130.000.000	390.780.000		104.595.537.954

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình – huyện Yên Bình – tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 1 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**23. Vốn chủ sở hữu*****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	48.374.300.000	9.141.949.000	261.000.000	(258.200.000)	7.077.733	7.160.537.075	1.304.923.993	1.766.515.496	67.758.103.297
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	(14.865.442.305)	(14.865.442.305)
Hoàn lại chênh lệch tỷ giá cuối năm trước	-	-	-	-	(7.077.733)	-	-	-	(7.077.733)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm tài chính	-	-	-	-	(14.499)	-	-	-	(14.499)
Số dư cuối năm trước	<u>48.374.300.000</u>	<u>9.141.949.000</u>	<u>261.000.000</u>	<u>(258.200.000)</u>	<u>(14.499)</u>	<u>7.160.537.075</u>	<u>1.304.923.993</u>	<u>(13.098.926.809)</u>	<u>52.885.568.760</u>
Số dư đầu năm nay	48.374.300.000	9.141.949.000	261.000.000	(258.200.000)	(14.499)	7.160.537.075	1.304.923.993	(13.098.926.809)	52.885.568.760
Lợi nhuận trong quý	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Hoàn lại chênh lệch tỷ giá cuối năm trước	-	-	-	-	14.499	-	-	(5.777.360.827)	(5.777.346.328)
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối quý	<u>48.374.300.000</u>	<u>9.141.949.000</u>	<u>261.000.000</u>	<u>(258.200.000)</u>	<u>-</u>	<u>7.160.537.075</u>	<u>1.304.923.993</u>	<u>(18.876.287.636)</u>	<u>47.107.222.432</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình – huyện Yên Bình – tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 1 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)***Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu***

	Số cuối quý	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	19.277.700.000	19.277.700.000
Vốn góp của các cổ đông	29.096.600.000	29.096.600.000
Thặng dư vốn cổ phần	9.141.949.000	9.141.949.000
Cổ phiếu quỹ	(258.200.000)	(258.200.000)
Vốn khác của chủ sở hữu	261.000.000	261.000.000
Cộng	57.519.049.000	57.519.049.000

Cổ tức

Trong quý không có cổ tức chi trả

Cổ phiếu

	Số cuối quý	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.837.430	4.837.430
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.837.430	4.837.430
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	25.820	25.820
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.820	25.820
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.811.610	4.811.610
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.811.610	4.811.610
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình – huyện Yên Bình – tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 1 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu**

	Từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	80.834.515.763	69.552.279.109
Doanh thu bán thành phẩm	80.695.693.042	69.308.224.863
Doanh thu cung cấp dịch vụ	138.822.721	244.054.246
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(954.224.733)	(247.727.419)
Chiết khấu thương mại	(935.049.642)	(247.727.419)
Giảm giá hàng bán		-
Thuế xuất khẩu	(19.175.091)	-
Doanh thu thuần	79.880.291.030	69.304.551.690

2. Giá vốn hàng bán

	Từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	66.370.589.656	52.642.403.100
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	138.822.721	244.054.246
Cộng	66.509.412.377	52.886.457.346

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	4.518.491	28.046.774
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
Cộng	4.518.491	28.046.774

4. Chi phí tài chính

	Từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	9.360.466.813	8.352.778.963

5. Chi phí bán hàng

	Từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	400.690.483	552.694.281
Chi phí vật liệu, bao bì	25.575.485	16.299.436
Chi phí khấu hao TSCĐ		28.036.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.567.108.809	3.231.472.926
Chi phí bằng tiền khác	632.600.124	649.995.861
Cộng	7.625.974.901	4.478.499.104

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình – huyện Yên Bình – tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 1 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.121.661.841	1.054.363.589
Chi phí vật liệu quản lý	147.316.042	130.101.487
Chi phí đồ dùng văn phòng		81.256.818
Chi phí khấu hao TSCĐ	76.035.000	88.981.700
Thuế, phí và lệ phí	101.244.842	85.160.794
Chi phí dự phòng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	93.496.117	49.331.074
Chi phí bằng tiền khác	558.132.869	341.465.810
Cộng	2.097.886.711	1.830.661.272

7. Thu nhập khác

	Từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư		562.089.000
Thu thanh lý TSCĐ		5.573.647.272
Bán phế liệu		-
Hỗ trợ lãi suất bột đá		-
Hỗ trợ xúc tiến thương mại		-
Thu khác		205.014.319
Cộng		6.340.750.591

8. Chi phí khác

	Từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý		2.729.553.268
Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định		21.545.455
Lãi chậm nộp bảo hiểm	68.429.546	86.102.265
Chi khác		51.169.035
Cộng	68.429.546	2.888.370.023

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.777.360.827)	1.605.781.579
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(5.777.360.827)	1.605.781.579
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.811.610	4.811.610
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.201)	435

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình – huyện Yên Bình – tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 1 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.811.610	4.811.610
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.811.610	4.811.610

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau

	Từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	208.147.992	140.602.783
Tiền thưởng		-
Phụ cấp	54.000.000	66.000.000
Cộng	262.147.992	206.602.783

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh xi măng và Klinker
- Lĩnh vực kinh doanh bột đá.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở phụ lục 01 đính kèm.

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối quý	Số đầu năm	Số cuối quý	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.527.314.908	1.066.735.527	1.527.314.908	1.066.735.527
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-		-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				-
Phải thu khách hàng	45.345.355.724	42.572.920.872	45.345.355.724	42.572.920.872
Các khoản cho vay	405.000.000	465.000.000	405.000.000	465.000.000
Các khoản phải thu khác	5.798.716.552	3.488.651.590	5.798.716.552	3.488.651.590
Cộng	53.076.387.184	47.593.307.989	53.076.387.184	47.593.307.989

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình – huyện Yên Bình – tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 1 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	124.690.651.023	126.321.046.005	124.690.651.023	126.321.046.005
Phải trả người bán	54.066.580.229	50.238.140.165	54.066.580.229	50.238.140.165
Các khoản phải trả khác	12.349.726.127	8.436.437.784	12.349.726.127	8.436.437.784
Cộng	191.106.957.379	184.995.623.954	191.106.957.379	184.995.623.954

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

4. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.12 và V.20). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Giá trị sổ sách	Điều khoản và điều kiện thế chấp
Số cuối quý		
Nhà cửa, vật kiến trúc	94.989.139.501	Giá trị của tài sản thế chấp được xác định lại trong các trường hợp sau: - Hết thời hạn 06 tháng kể từ thời điểm định giá gần nhất. - Khi giá cả của tài sản cùng loại với tài sản thế chấp trên thị trường có biến động thay đổi giảm từ 20% trở lên so với giá của tài sản thế chấp thời điểm giá gần nhất
Máy móc và thiết bị	124.432.400.798	
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	9.461.901.964	
Cộng	228.883.442.263	
Số đầu năm		
Nhà cửa, vật kiến trúc	96.950.994.251	Giá trị của tài sản thế chấp được xác định lại trong các trường hợp sau: - Hết thời hạn 06 tháng kể từ thời điểm định giá gần nhất. - Khi giá cả của tài sản cùng loại với tài sản thế chấp trên thị trường có biến động thay đổi giảm từ 20% trở lên so với giá của tài sản thế chấp thời điểm giá gần nhất
Máy móc và thiết bị	127.279.245.622	
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	9.668.922.310	
Cộng	233.869.162.183	

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình – huyện Yên Bình – tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 1 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một dự trữ một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối quý				
Vay và nợ	124.690.651.023	104.595.537.954	-	229.286.188.977
Phải trả người bán	54.066.580.229	-	-	54.066.580.229
Các khoản phải trả khác	12.349.726.127	-	-	12.349.726.127
Cộng	191.106.957.379	104.595.537.954	-	295.702.495.333
Số đầu năm				
Vay và nợ	126.321.046.005	101.856.317.954	-	228.177.363.959
Phải trả người bán	50.238.140.165	-	-	50.238.140.165
Các khoản phải trả khác	8.436.437.784	-	-	8.436.437.784
Cộng	184.995.623.954	101.856.317.954	-	286.851.941.908

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình – huyện Yên Bình – tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 1 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, độ nhạy của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD như sau:

	Gốc USD	Gốc EUR	Thay đổi tỷ giá USD (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
Năm nay				
<i>Tỷ giá tại ngày 31/3/2012</i>	20.828	27.105		
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>				
Tăng	245,35	0,16	2%	76.717
Giảm	245,35	0,16	-2%	(76.717)
Tổng hợp ảnh hưởng				
<i>Tăng</i>	245,35	0,16	2%	76.717
<i>Giảm</i>	245,35	0,16	-2%	(76.717)
Năm trước				
<i>Tỷ giá tại ngày 31/12/2011</i>	20.828	3.285,40		
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>				
Tăng	89,50	0,16	2%	48.175
Giảm	89,50	0,16	-2%	(48.055)
Tổng hợp ảnh hưởng				
<i>Tăng</i>	89,50	0,16	2%	48.175
<i>Giảm</i>	89,50	0,16	-2%	(48.055)
Chênh lệch năm nay so với năm trước	155,85	-		28.542

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình – huyện Yên Bình – tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 1 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác/

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tại Hà Nội.

Lập ngày 23 tháng 4 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Tiến

Vũ Thanh Nghị

Phạm Quang Phú